

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 10 và 10 tháng năm 2015

I. CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng khá hơn tháng trước và so cùng kỳ năm trước. Chỉ số IIP tháng 10 ước tăng 3,9% so tháng 9, cao hơn mức tăng tháng 9 so tháng 8, trong đó công nghiệp chế biến tăng 3,8%; sản xuất phân phối điện tăng 2,3% và khai thác phân phối nước, xử lý chất thải tăng 8,7%. Những ngành có chỉ số tăng so với tháng trước: sản xuất giấy (+16,9%); dệt (+16,7%); trang phục (+6,7%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+12,7%); sản xuất giường tủ, bàn, ghế (+12,4%)... Những ngành có chỉ số giảm so với tháng trước: sản xuất xe có động cơ (-6,2%); thiết bị điện (-1,6%); phương tiện vận tải khác (-10,6%);...

So với tháng 10/2014, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,1%.

Tính chung 10 tháng đầu năm chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2014, cao hơn chỉ số của năm trước (chỉ số tháng 10/2014: +6,8%). Trong đó công nghiệp chế biến tăng 7,5%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,9%; sản xuất và phân phối nước, xử lý chất thải tăng 12,0%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 10 so với tháng 9	Đơn vị tính: % 10 tháng so với cùng kỳ 2014
Tổng số	103,9	107,4
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	106,8	14,9
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	103,8	107,5
3. SX và phân phối điện	102,3	106,9
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	108,7	112,0
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	98,0	109,5
2. Sản xuất đồ uống	100,7	111,8
3. Sản xuất trang phục	106,7	107,3
4. Sản xuất da và SP liên quan	110,3	111,8
5. SX hóa chất và SP hóa chất	105,7	104,3
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	112,7	101,3
7. SP. từ khoáng phi kim loại	106,5	119,6
8. Sản xuất SP điện tử	102,5	105,8
9. Sản xuất thiết bị điện	98,4	110,8
10. Sản xuất xe có động cơ	93,8	150,1

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 23/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó **một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất xe có động cơ (+50,1%); hoạt động thu gom, xử lý rác thải (+25,5%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+19,6%); sản xuất sản phẩm da (+11,8%); sản xuất thiết bị điện (+10,8%); sản xuất đồ uống (+11,8%). **Một số ngành có mức tăng khá:** chế biến thực phẩm (9,5%); trang phục (+7,3%); sản xuất kim loại (+5,7%); sản xuất và phân phối điện (+6,9%); sản xuất sản phẩm điện tử (+5,8%); sản xuất hóa chất (+4,3%). **Các ngành giảm gồm:** khai thác đá (-85,1%); máy móc thiết bị khác (-4,7%) sản xuất giường tủ bàn ghế (-9,1%).

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 10 tăng 1,5% so với tháng trước; so với tháng 10/2014 tăng 8,3%. Ước 10 tháng tăng 7,9%, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 10,8%; ngành hóa dược tăng 2,2%; ngành sản xuất điện tử tăng 5,8%; ngành cơ khí tăng 11,9% trong đó sản xuất xe tăng 50,6%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2015 tăng 6,9% so với tháng trước; tăng 12,6% so tháng cùng kỳ; cộng dồn 9 tháng đầu năm tăng 5,5% so với năm trước. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ 9 tháng tăng cao so với cùng kỳ: sản xuất đồ uống, vật liệu xây dựng, sản phẩm điện tử, sản xuất xe và phương tiện vận tải khác. Các ngành có chỉ số tiêu thụ giảm gồm: thuốc lá, dệt, sản phẩm cao su plastic, kim loại.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/9 tăng 0,17% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao: sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt; da giày; thuốc, hóa dược liệu... Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất giấy; in; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; hóa chất, sản xuất xe có động cơ; máy móc thiết bị khác.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

Kết quả sản xuất vụ hè thu: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 10.838 ha, giảm 2,2% so với cùng kỳ. Trong đó, diện tích lúa 6.546 ha, tăng 1,2%, sản lượng lúa đạt 28.014 tấn, tăng 2,7%; rau 2.755 ha, giảm 10,4%, diện tích bắp tăng 6,8%; đậu phộng tương đương cùng kỳ...

Tình hình sản xuất vụ mùa: lúa đã xuống giống 6.132 ha, giảm 13,4% so với cùng kỳ năm; trong đó huyện Củ Chi 3.714 ha, huyện Bình Chánh 1.147 ha. Diện tích gieo trồng rau các loại 4.118 ha, giảm 7,2% so với cùng kỳ.

Sinh vật gây hại trên cây trồng: vụ hè thu đã có 44,8 ha lúa nhiễm sâu bệnh, rau 482,7 ha giảm 69,1 ha so với cùng kỳ. Lúa vụ mùa có 1.054,6 ha nhiễm sâu bệnh. Các sinh vật hại chủ yếu là rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, OBV, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn,... đều ở mức nhiễm nhẹ.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 10 ước đạt 6.246,5 tấn, giảm 15,3% so tháng cùng kỳ; trong đó, sản lượng nuôi trồng 3.761,5 tấn, giảm 10,5%, sản lượng khai thác 2.485 tấn, giảm 21,7%.

Sản lượng thủy sản 10 tháng ước đạt 42.252 tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng 28.657 tấn, tăng 9,2%, chủ yếu do sản lượng ngêu tăng gấp 3 lần so cùng kỳ. Riêng sản lượng tôm đạt 10.433,8 tấn, giảm 18% do giá đầu vào tăng nhưng giá tôm thương phẩm lại giảm. Sản lượng khai thác ước đạt 13.596 tấn, giảm 4,4% so với cùng kỳ.

Dịch bệnh trên tôm: Từ đầu năm đến nay, có 302 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 246,1 ha làm thiệt hại 118,3 triệu con giống. Có 126 hộ với 85,6 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

Tình hình thả nuôi tôm (huyện Cần Giờ): tính đến ngày 10/10, đã có 575 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 152 triệu con trên diện tích 3.214 ha. Tôm thẻ chân trắng 1.822 lượt hộ thả nuôi với 630,4 triệu con giống trên diện tích 1.397,5.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn trên địa bàn 10 tháng ước thực hiện 178.250 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 9,5%; so với kế hoạch năm đạt 70,3% (10 tháng năm 2014 tăng 6,8%).

Trong đó vốn ngân sách thành phố 13.743,7 tỷ đồng, tăng 4,9% so với cùng kỳ và đạt 71,3% kế hoạch năm (10 tháng cùng kỳ bằng 98%). Cấp thành phố ước thực hiện 8.092,2 tỷ đồng, chiếm 58,9%, so với cùng kỳ tăng 6,8%; cấp quận huyện ước thực hiện 5.651,5 tỷ đồng, chiếm 41,1%, so với cùng kỳ tăng 2,3%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố

	Ước thực hiện 10 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2014
Tổng vốn đầu tư	13.743,7	71,3	104,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	566,7	68,8	80,8
Cấp thành phố	8.092,2	69,8	106,8
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	223,5	79,0	46,4
Cấp quận huyện	5.651,5	65,3	102,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	343,2	63,5	156,1

Tháng 10, khối lượng thực hiện cao tập trung vào các dự án thoát nước, chống ngập, cụ thể một số dự án như: Kênh Tham Lương Bến Cát; hệ thống thoát nước Kinh Dương Vương; hệ thống thoát nước đường Tam Bình... Khối lượng ước thực hiện tháng 10 so với tháng trước tăng 14,7%; so với tháng 10 cùng kỳ tăng 9,6%. Nhìn chung tốc độ tăng 10 tháng cao hơn tốc độ tăng cùng kỳ.

Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách thành phố :

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài (Phạm Văn Đồng): Hiện còn vướng giải tỏa đoạn đầu tuyến từ đường Trường Sơn đến Nguyễn Thái Sơn.

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: đang thi công các trụ móng đoạn từ quận 2 đến quận 9 tiếp giáp với tỉnh Bình Dương và cầu qua sông Sài Gòn. Hiện trên toàn tuyến đã ghép nối thành công được 32 nhịp dầm đường; riêng đoạn từ cầu Sài Gòn đến ngã ba Cát Lái đã nối ghép được 17 nhịp dầm đường.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 30/9, toàn thành phố đã cấp 40.272 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 8.060,4 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 39.684 giấy phép, với diện tích 8.003,1 ngàn m² và 588 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 57,3 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 7,8% về giấy phép (+2.913 giấy phép) và tăng 11,7% về diện tích (+845,8 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/10, đã có 456 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với vốn đăng ký đạt 2.428,3 triệu USD, trong đó 58,9% vốn được đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 353 dự án, vốn đầu tư 866,3 triệu USD; liên doanh 103 dự án, vốn đầu tư 1.562 triệu USD.

Chia theo ngành nghề đầu tư: công nghiệp 51 dự án, vốn đầu tư 581,8 triệu USD, chiếm 24% tổng vốn đăng ký đầu tư; xây dựng 29 dự án, vốn đầu tư 64,5 triệu USD (chiếm 2,7%); thương mại 136 dự án, vốn đầu tư 149,6 triệu USD (chiếm 6,2%); hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 98 dự án, vốn đầu tư 138,8 triệu USD (chiếm 5,7%); kinh doanh bất động sản 7 dự án, vốn đầu tư 1.429 triệu USD (chiếm 58,9%); vận tải kho bãi 23 dự án, vốn đầu tư 23,5 triệu USD; thông tin và truyền thông 76 dự án, vốn đầu tư 21,7 triệu USD;...

Chia theo đối tác đầu tư: đã có 44 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn; trong đó Anh 9 dự án, vốn đầu tư 1.202,3 triệu USD, chiếm 49,5% tổng vốn đăng ký cấp mới; British Virgin Island 8 dự án, vốn đầu tư 306,6 triệu USD (chiếm 12,6%); Hàn Quốc 93 dự án, vốn đầu tư 237,6 triệu USD (chiếm 9,8%); Singapore 68 dự án, vốn đầu tư 117,3 triệu USD (chiếm 4,8%); Nhật Bản 84 dự án, vốn đầu tư 83,6 triệu USD (chiếm 3,4%); Hoa Kỳ 22 dự án, vốn đầu tư 88,3 triệu USD (chiếm 3,6%); Trung Quốc 14 dự án, vốn đầu tư 22,4 triệu USD; Đài Loan 19 dự án, vốn đầu tư 7,6 triệu USD; Hồng Kông 21 dự án, vốn đầu tư 9,6 triệu USD;...

Tăng vốn đầu tư 118 dự án, số vốn tăng 642,9 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đạt 3.071,2 triệu USD** (cùng kỳ năm trước đạt 2.937,8 triệu USD). Giải thể, chấm dứt hoạt động và chuyển đi tỉnh thành khác 22 dự án, vốn đầu tư 72,1 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/10 đã có 25.385 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 6.247 doanh nghiệp; trong tổng số gồm: 795 doanh nghiệp tư nhân, 2.665 công ty cổ phần và 21.925 công ty TNHH. Tổng

vốn đăng ký thành lập 163.238 tỷ đồng, tăng 57,9% cùng kỳ năm trước, vốn bình quân 1 doanh nghiệp đạt 6.439 tỷ đồng tăng 19% so cùng kỳ. Xét theo các khu vực kinh tế, khu vực nông lâm thủy sản tăng 41,9% về số lượng và giảm 43,4% về vốn; công nghiệp tăng 24,7% về doanh nghiệp và tăng 23,1% về vốn; xây dựng tăng 42,3% về doanh nghiệp và 2,1 lần về vốn; khu vực dịch vụ tăng 32,7% về doanh nghiệp và tăng 52,1% về vốn.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo cơ quan Thuế thành phố, 9 tháng đầu năm có 16.763 doanh nghiệp ngừng hoạt động, bằng 57,7% số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới là 24.134 và số doanh nghiệp tái hoạt động sau thời gian ngừng nghỉ là 4.869). So với 9 tháng cùng kỳ, số doanh nghiệp ngừng nghỉ giảm 9,2%. Trong tổng số 16.763 doanh nghiệp ngừng hoạt động có 120 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bằng 68,9% số cùng kỳ và 16.637 doanh nghiệp ngoài nhà nước bằng 91,3% so cùng kỳ.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 ước đạt 57.433 tỷ đồng, tăng 1,6% so tháng trước.

Ước tính 10 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 550.101 tỷ đồng, tăng 10,6% so cùng kỳ, loại trừ yếu tố giá tăng 10,2% (cùng kỳ năm trước tăng 7,1%).

Trong đó bán lẻ hàng hóa đạt 438.919 tỷ đồng, chiếm 79,8% trong tổng mức, tăng 11,3%, loại trừ yếu tố giá, tăng 13,7%.

Chia theo thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước 71.433 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13%, tăng 3,1%; Kinh tế ngoài nhà nước 442.341 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 80,4%, tăng 12,1%; Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 36.328 tỷ đồng, chiếm 6,6%, tăng 8,2% so cùng kỳ.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 10 đạt 46.642 tỷ đồng, tăng 1,6% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 438.919 tỷ đồng, tăng 11,3%.

Trong đó nhóm hàng lương thực, thực phẩm chiếm 18%, tăng 9,2%; May mặc chiếm 6,7%, tăng 8,2%; Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình chiếm 18,8%, tăng 10,5%; Xăng dầu chiếm 9,2%, tăng 5,1%; Phương tiện đi lại chiếm 6,9%, tăng 3%. Riêng mặt hàng xe ô tô tăng 98% so cùng kỳ. Mặt hàng đá quý, kim loại quý chiếm 5,8%, tăng 31,4%.

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính doanh thu tháng 10 đạt 5.899 tỷ đồng, tăng 3,5% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 60.232 tỷ đồng, tăng 6,5% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 9,8%; Dịch vụ ăn uống tăng 6,2%.

c. Du lịch: tháng 10 ước đạt 1.463 tỷ đồng, giảm 2,8% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm 15.291 tỷ đồng, tăng 7% so cùng kỳ.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: Doanh thu tháng 10 ước đạt 3.628 tỷ đồng, tăng 1,2% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 35.660 tỷ đồng, tăng 11,2% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

2.1 Giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 tăng nhẹ với mức +0,06%, với chỉ 2 nhóm hàng tăng là ăn và dịch vụ ăn uống (+0,38%), thiết bị đồ dùng gia đình (+0,09%), các nhóm còn lại đều giảm, riêng nhóm hàng may mặc không biến động.

Một số tình hình cụ thể về biến động giá trong tháng như sau:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống Sau khi giảm nhẹ ở tháng 9 (-0,26%) đến tháng 10 đã tăng trở lại với mức tăng (+0,38%), trong đó: Nhóm thực phẩm tăng 0,77%, Nhóm lương thực giảm nhẹ (-0,06%) riêng nhóm ăn uống ngoài gia đình không biến động:

+ Lương thực: Chỉ số của nhóm lương thực chỉ giảm nhẹ so tháng 9, nếu tính từ đầu năm chỉ số nhóm lương thực giảm 0,95%, nguyên nhân chủ yếu do giá gạo thế giới giảm mạnh nhưng lượng cung liên tục tăng cao do các nước trong khu vực đầu tư rất mạnh cho sản xuất lúa, gạo, nhằm tăng khả năng cạnh tranh.

+ Nhóm thực phẩm: trong tháng 10/2015 giá thực phẩm tăng 0,77% so tháng trước trong đó: các nhóm mặt hàng tăng so tháng trước gồm: Thịt heo (+0,35%); Thịt bò (+1,21%); Thịt gia cầm tươi sống (+0,35%); Thịt chế biến (+0,09%); Dầu mỡ ăn (+0,09%); Thủy sản tươi sống (+0,39%); Thủy sản chế biến (+0,17%); Đậu hạt các loại (-0,16%); Rau các loại (+3,87%); Trái cây các loại (+0,71%). Bên cạnh các mặt hàng tăng giá nói trên trong tháng 10 có một số nhóm mặt hàng giảm so tháng trước: Trứng các loại (-0,32%); Nước mắm nước chấm (-0,45%)... Nếu so với đầu năm chỉ số nhóm thực phẩm tăng 1,57%, bình quân một tháng giá thực phẩm tăng 0,15%.

Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 0,14% so tháng trước trong đó: giá vật liệu xây dựng giảm 0,23% tập trung ở các mặt hàng xi măng, sắt thép, cát xây dựng, gas giảm 0,91%.

Nhóm giáo dục giảm nhẹ 0,03% sau khi có mức tăng 0,25% ở tháng trước chủ yếu do mặt hàng sách giáo khoa được khuyến mãi, riêng đối với học phí của một số trường và cơ sở dạy nghề thuộc hệ thống giáo dục quốc dân chưa kịp điều chỉnh mức tăng học phí ở tháng 9/2015 thì sang tháng 10/2015 thực hiện theo quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố tạm thời vẫn thu theo mức học phí 2014-2015.

Nhóm giao thông giảm 0,52% so tháng trước, trong đó giá xăng dầu tăng 0,04%, giá cước tàu hỏa, cước máy bay, cước ô tô và cước taxi đều giảm so tháng trước với mức giảm lần lượt -1,85%; -4%; -4,93%; -0,69%.

Nhóm văn hóa giải trí là nhóm có mức giảm cao nhất của tháng (-0,56%) chủ yếu do tác động giá tour du lịch giảm 1,62%, trong đó giá tour du lịch trong nước giảm 0,24%, giá tour nước ngoài giảm 3,59%.

So với tháng 10/2014, chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,90%, (chỉ số cùng kỳ là +2,96%). Trong đó có 4 nhóm giảm giá là giao thông (-14,84%); nhà ở điện nước chất đốt (-3,56%); bưu chính viễn thông (-0,02%); văn hóa giải trí (-0,48%); các nhóm còn lại đều tăng, cao nhất là nhóm dược phẩm và dịch vụ y tế (+5,43%).

So với tháng 12/2014, chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,19% (chỉ số này cùng kỳ là +2,38%), 4 nhóm hàng hóa có mức giá giảm: nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 1,54%, nhóm giao thông giảm 8,99%, và nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,72% và nhóm văn hóa giải trí giảm 0,28%.

2.2. Giá vàng và giá đô la Mỹ

Giá vàng tháng 10 giảm 1,13% so với tháng trước, giảm 5,24% so với tháng 10/2014 và giảm 3,61% so tháng 12/2014.

Chỉ số USD tháng 10 giảm 0,57% so tháng trước, tăng 5,79% so tháng 10/2014 và tăng 5,01% so tháng 12/2014.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 10 đạt 2.752,4 triệu USD, tăng 0,5% so tháng trước.

Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 25.460,1 triệu USD, giảm 3,8% so cùng kỳ. Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 10 tháng đầu năm ước đạt 22.111,1 triệu USD, tăng 9,2%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố xuất qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 10 đạt 2.292,7 triệu USD, tăng 0,2% so tháng trước. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước 1.238,9 triệu USD, tăng 7,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.053,7 triệu USD, giảm 6,7%.

Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 22.461,8 triệu USD, giảm 8,1% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước đạt 19.112,8 triệu USD, tăng 5%. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 4.330,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,3%, giảm 43,8% (giảm 3.374,7 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 10.516 triệu USD, chiếm 46,8%, tăng 14,5% (tăng 1.329,3 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 7.615,1 triệu USD, chiếm 33,9%, tăng 1% (tăng 74,9 triệu USD).

Chia theo nhóm hàng (không kể dầu thô):

- Nhóm hàng nông sản đạt 2.899,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15,2%, giảm 18,1% so cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gạo đạt 753,6 triệu USD, giảm 33,2%; Cà phê đạt 468,7 triệu USD, giảm 27,7%; Hạt tiêu đạt 484,7 triệu USD, giảm 2,8% so cùng kỳ.

- Nhóm hàng thủy sản 550,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,9%, giảm 13,9%.

- Nhóm hàng công nghiệp 13.850,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 72,5%, tăng 13,4%. Trong đó hàng may mặc đạt 4.445,5 triệu USD, chiếm 23,3% trong tổng kim ngạch không kể dầu, tăng 2,6%; giày dép đạt 1.988,3 triệu USD, chiếm 10,4%, tăng 6,4%, máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 3.602,8 triệu USD, chiếm 18,8%, tăng 61,5%.

- Nhóm hàng lâm sản 365,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,9%, giảm 14,6%.

- Nhóm hàng hóa khác 1.446,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,6%, tăng 4,1%.

+ Riêng dầu thô: ước xuất 7.472,1 ngàn tấn, giảm 0,4%, về trị giá đạt 3.349 triệu USD, giảm 46,2%, do giá bình quân giảm 54,1% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 10 đạt 2.791,7 triệu USD, tăng 0,4% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 27.164,5 triệu USD, tăng 8%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nhập qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 10 ước đạt 2.405,2 triệu USD, giảm 2,5% so tháng trước. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước đạt 1.453,3 triệu USD, giảm 0,9%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 951,9 triệu USD, giảm 5%.

Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 23.642,9 triệu USD, tăng 14,6% (+3.011,5 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 1.291,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,5%, giảm 14,9%;

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.172,4 triệu USD, chiếm 38,8%, tăng 22,7%;

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 13.178,9 triệu USD, chiếm 55,7%, tăng 13,3%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 10 tháng đầu năm 2015:

+ Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 392,1 triệu USD, giảm 4,8%.

+ Nhiên liệu: về lượng ước nhập 794,8 ngàn tấn, tăng 56,1%, và kim ngạch đạt 473,9 triệu USD, giảm 1% là do giá bình quân giảm 36,6%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 697,2 triệu USD, tăng 3,4%.

+ Vải các loại nhập 1.942,3 triệu USD, tăng 2,9%

+ Sắt thép đạt 1.175,8 triệu USD, giảm 0,9%.

+ Tân dược đạt 981 triệu USD, tăng 18,3%.

+ Dầu mỡ động thực vật đạt 210,4 triệu USD, giảm 19,2%.

+ Chất dẻo đạt 1.233,6 triệu USD, giảm 7,4%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 10 ước đạt 6.663,2 tỷ đồng, tăng 7,5% so với tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 59.860,2 tỷ đồng, tăng 17,5% so cùng kỳ 2014.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 10 tháng đầu năm 2015

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2014	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	41.557	18.303	117,1	118,4
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	5.101	1.184	95,4	107,8
Kinh tế ngoài nhà nước	36.234	14.125	121,0	116,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	222	2.994	115,6	131,5

*Phân theo phương tiện vận tải

Trong đó : Đường bộ	23.365	15.288	119,1	115,8
Đường sông	4.204	357	124,0	120,2
Đường biển	13.900	0	111,8	
Đường hàng không	87	2.659	166,2	135,2

- **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 10 ước đạt 4.879 tỷ đồng, tăng 9,6% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 41.557 tỷ đồng, tăng 17,1% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 87,2%, tăng 21%; kinh tế nhà nước chiếm 12,3%, giảm 4,6%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 56,5%, tăng 19,1%, đường biển chiếm tỷ trọng 33,4%, tăng 11,8%.

- **Vận tải hành khách:** doanh thu tháng 10 ước đạt 1.784 tỷ đồng, tăng 2,3% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 18.303 tỷ đồng, tăng 18,4% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 77,2%, tăng 16,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 16,4%, tăng 31,5%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 15.288 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 83,5%, tăng 15,8%; Đường hàng không chiếm 14,5%, tăng 35,2%.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 10 tháng ước thực hiện 228.105 tỷ đồng, đạt 85,1% dự toán, tăng 4,4% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 131.525 tỷ đồng, đạt 91,5% dự toán, tăng 13,2% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 19.448 tỷ đồng, đạt 60,8% dự toán, giảm 28,4% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 75.000 tỷ đồng, đạt 83,2% dự toán, tăng 2,2% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2014
Tổng thu	268.122	228.105	85,1	104,4
Tổng thu cân đối ngân sách NN	265.972	225.972	85,0	104,3
I- Thu nội địa	143.776	131.525	91,5	113,2
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	28.200	24.460	86,7	105,2
2. Khu vực ngoài nhà nước	33.600	29.592	88,1	111,1
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	42.023	34.384	81,8	107,5
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	90.196	75.000	83,2	102,2
III- Thu từ dầu thô	32.000	19.448	60,8	71,6

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 18,6% tổng thu nội địa, tăng 5,2% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 15.148 tỷ đồng, đạt 84,4% dự toán, tăng 6,4%; Nhà nước địa phương 9.312 tỷ đồng, đạt 90,8% dự toán, tăng 3,2%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 29.592 tỷ đồng, tăng 11,1% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 34.384 tỷ đồng, tăng 7,5%. Thu khác 43.089 tỷ đồng, tăng 25,6% so cùng kỳ; trong đó thuế thu nhập cá nhân 17.821 tỷ đồng, tăng 15,1%, thu tiền sử dụng đất 10.244 tỷ đồng, tăng 35,2% so cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 10 tháng ước đạt 65.830 tỷ đồng, đạt 125,5% dự toán, tăng 24,4% so cùng kỳ năm 2014.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 10 tháng ước thực hiện 36.064 tỷ đồng, đạt 66,0% dự toán, tăng 1,2% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2014
Tổng chi (trừ tạm ứng)	54.616	36.064	66,0	101,2
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	21.375	13.926	65,1	92,2
Trong đó: trả lãi và vốn vay	4.416	1.596	36,1	48,3
II- Chi thường xuyên	31.500	21.353	67,8	107,6
Trong đó:	0	0	0,0	0,0
Sự nghiệp kinh tế	4.210	2.361	56,1	112,6
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.759	6.157	70,3	105,2
Sự nghiệp y tế	3.127	2.647	84,6	108,8
Quản lý hành chính	4.942	3.734	75,6	108,9

Chi đầu tư phát triển 13.926 tỷ đồng, đạt 65,1% dự toán, giảm 7,8% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 21.353 tỷ đồng, đạt 67,8% dự toán, tăng 7,6% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 2.361 tỷ đồng, đạt 56,1% dự toán, tăng 12,6%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 6.157 tỷ đồng, đạt 70,3% dự toán, tăng 5,2%; chi sự nghiệp y tế 2.647 tỷ đồng, đạt 84,6% dự toán, tăng 8,8%; chi quản lý hành chính 3.734 tỷ đồng, đạt 75,6% dự toán, tăng 8,9%; chi đảm bảo xã hội tăng 32,3%, chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 29,1% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 10 đạt 1.491,6 ngàn tỷ đồng, tăng 2,8% so tháng trước (chỉ số này tháng trước: +2%) và tăng 19,4% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 54,4% tổng vốn huy động, tăng 16,5% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 16%, tăng 22,9% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 84% tổng vốn huy động, tăng 18,7% so tháng cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 53,5% tổng vốn huy động, tăng 15,4% so với tháng cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 9 đạt 1.157,3 ngàn tỷ đồng, so với tháng 12/2014 tăng 8,4% và tăng 14,6% so với tháng cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 644,4 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,7% tổng dư nợ, tăng 15,2% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 149,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 12,9% tổng dư nợ, giảm 11,6% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.008,1 ngàn tỷ đồng chiếm 87,1% tổng dư nợ, tăng 19,8% so tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 09/2015, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 309 gồm 308 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, tăng 1 mã cổ phiếu so với cuối tháng 08/2015 (ngày 18/09/2015 hủy niêm yết mã cổ phiếu C21 của Công ty Cổ phần Thế kỷ 21, ngày 28/09/2015 hủy niêm yết mã cổ phiếu SEC của Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, ngày 30/09/2015 mã cổ phiếu STK của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ giao dịch ngày đầu tiên)

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.098.269,81 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cuối năm 2014. Trong tháng 09/2015 có 21 phiên giao dịch, 10 phiên tăng điểm và 11 phiên giảm điểm. Trong tháng 09, VN-Index có sự dao động rất nhẹ nhàng khi khoảng cách giữa phiên cao nhất và phiên thấp nhất trong tháng chỉ là 18,90 điểm. Giao dịch trong tháng khá trầm lắng khi cả khối lượng và giá trị giao dịch trung bình mỗi phiên đều giảm hơn 20% so với tháng trước. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 562,64 điểm, gần như không thay đổi so với tháng trước khi chỉ giảm 0,4 % (tương ứng giảm 2,11 điểm). So với cuối năm 2014, VN-Index tăng 17,01 điểm (tương ứng tăng 3,1%).

Khối lượng giao dịch của tháng 09/2015 đạt 1.970,54 triệu chứng khoán, giảm 23,2% so với tháng trước. Giá trị giao dịch của tháng đạt 33.764,66 tỷ đồng, giảm 26,4% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 93,84 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 1.607,84 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 23,2% và giá trị giao dịch giảm 26,4% so với tháng trước.

Từ đầu năm đến cuối tháng 09/2015, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 24/08 với 526,93 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 14/07 với 638,69 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 9/2015	9 tháng năm 2015	Tháng 9 so tháng 8	9 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	1.970,54	20.228,27	76,8	91,8
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	1.961,50	20.175,15	76,9	91,6
Trái phiếu	2,91	25,37	646,2	104,0
Chứng chỉ quỹ & ETF	6,13	27,75	46,0	1.261,4
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	1.704,40	18.380,16	71,7	89,2
Giao dịch thoả thuận	266,14	1.848,11	141,7	1127,4
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	33.764,66	347.390,59	73,6	90,4
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	33.428,29	344.619,20	73,2	90,2
Trái phiếu	279,57	2.508,82	598,0	112,3
Chứng chỉ quỹ & ETF	56,80	262,57	45,1	1.256,3
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	27.675,23	299.539,53	67,6	89,6

Giao dịch thỏa thuận	6.089,43	47.851,06	124,0	95,9
----------------------	----------	-----------	-------	------

Cập nhật đến ngày 15/10/2015, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 310 chứng khoán. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.166.467,66 tỷ đồng, tăng 18,4% so với cuối năm 2014. VN-Index tại ngày 15/10/2015 đạt 592,40 điểm, tăng 46,77 điểm so với cuối năm 2014 (tương ứng tăng 8,6%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/8/2015 đến ngày 15/9/2015)

* Vi phạm kinh tế, môi trường:

Đã phát hiện và xử lý 187 vụ vi phạm gồm: buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu (18 vụ); mua bán, vận chuyển hàng cấm (95 vụ); kinh doanh hàng hóa không có hóa đơn chứng từ (19 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả (04 vụ); kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế (48 vụ); vụ án khác (03 vụ). Thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 8,7 tỷ đồng.

Lĩnh vực môi trường: lập biên bản xử lý 35 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ra quyết định xử phạt hành chính 23 vụ, thu nộp ngân sách Nhà nước khoảng 2,3 tỷ đồng.

* Phạm pháp hình sự:

Đã xảy ra 454 vụ phạm pháp hình sự, giảm 17,6% (-97 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 04 người, bị thương 44 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 13,8 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 05 vụ, cướp tài sản 20 vụ, cướp giật 58 vụ, cố ý gây thương tích 34 vụ, trộm cắp tài sản 287 vụ, cưỡng đoạt tài sản 01 vụ, hiếp dâm – giao cấu trẻ em 09 vụ, bắt giữ người trái pháp luật 01 vụ, lừa đảo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 19 vụ, chống người thi hành công vụ 04 vụ, khác 16 vụ.

* Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** Đã khám phá 138 vụ, bắt 255 người vi phạm. Đã khởi tố 107 vụ với 157 người vi phạm; xử lý hành chính 31 vụ với 97 người vi phạm.

+ **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Xử lý 02 vụ, 11 đối tượng tổ chức mua bán dâm, lập biên bản 70 cơ sở vi phạm kinh doanh không phép, quá giờ hoạt động, sử dụng tiếp viên không hợp đồng lao động...

+ **Cờ bạc, cá độ:** Điều tra, xử lý 31 vụ cờ bạc với 196 người tham gia, thu giữ khoảng 290 triệu đồng và nhiều hiện vật.

* Trật tự an toàn giao thông

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 315 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 65 người, bị thương 287 người, trong đó 74 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 2,6% (-02 vụ) so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng và 01 vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng.

+ **Tai nạn giao thông đường thủy:** Có 01 vụ tai nạn giao thông đường thủy trên tuyến thủy nội địa, không gây thiệt hại về người.

Đã lập biên bản hành chính 53.935 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tước giấy phép lái xe 6.322 trường hợp, tạm giữ 5.050 xe các loại,... chuyển kho bạc nhà nước thu khoảng 23 tỷ đồng.

* Tình hình cháy, nổ

+ **Tình hình cháy:** Đã xảy ra 38 vụ cháy giảm 7,3% (-03 vụ) so với tháng trước, giảm 34,5% (-20 vụ) so với cùng kỳ năm trước; không có người chết và bị thương, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 65,8 triệu đồng (10 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm quy định trong sử dụng hệ thống điện.

+ **Tình hình nổ:** không xảy ra vụ nổ nào, so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước không tăng giảm.

2. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng 10/2015, các quận - huyện và đơn vị dịch vụ việc làm đã giải quyết việc làm cho 24.012 lao động, giảm 19,92% so với tháng trước đó. Trong đó, 17.689 lao động có việc làm ổn định (chiếm khoảng 73,67% so với tổng số lao động được giải quyết việc làm). Số chỗ việc làm mới tạo ra là 9.874. Như vậy, trong 10 tháng đầu năm 2015 đã có 247.079 lượt người được giải quyết việc làm đạt 93,24% so với kế hoạch, số chỗ việc làm mới tạo ra là 100.769 chỗ làm đạt 83,97% so với kế hoạch. So với cùng kỳ năm 2014, giải quyết việc làm tăng 3.415 lượt người, số chỗ việc làm tăng 1.609 chỗ.

3. Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01/9 đến ngày 30/9, trên địa bàn thành phố có: 9.197 người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký và nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; 9.417 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; 7.359 người được tư vấn – giới thiệu việc làm; 1.831 người được hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 10 và 10 tháng năm 2015.